



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC**



BẢN TIN

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

QUÝ I NĂM 2020

Tin tức - Sự kiện

3

Chính sách mới

14

Nghiên cứu - Nhận định

20

MỤC LỤC



■ TIN TỨC - SỰ KIỆN

Ngành Giáo dục ứng phó với đại dịch Covid-19: Biến thách thức thành cơ hội chuyển đổi số	3
Bộ GDĐT ban hành Hướng dẫn về dạy học qua Internet, trên truyền hình	5
Bảo đảm chất lượng đào tạo từ xa trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19	7
Bộ GDĐT hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 đối với cấp Tiểu học	8
Bộ GDĐT hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 đối với cấp THCS, THPT	9
Tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, đề xuất chính sách hỗ trợ các cơ sở giáo dục	10
Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc: Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020	11
Tuyển sinh 2020: Sẽ không có tình trạng thí sinh đổ dồn về các thành phố lớn	12

■ CHÍNH SÁCH MỚI

Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT về Hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông	14
Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT về Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm	15
Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT về Quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	16
Thông tư số 02/VBHN-BGDĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở	17
Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT về Quy định nội dung chính ghi trên văn bằng và phụ lục văn bằng giáo dục đại học	18
Quyết định số 436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học, giai đoạn 2020 - 2025	18
Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập	19

■ NGHIÊN CỨU - NHẬN ĐỊNH

Một số giải pháp phát triển giáo dục thường xuyên giai đoạn mới	20
Giải pháp đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp và hình thức dạy học ở trường phổ thông theo định hướng phát triển năng lực học sinh	22
Phát triển chương trình đào tạo của Đại học Huế đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam	24
Giải pháp đào tạo nâng cao và đào tạo lại nhân lực	28
Giáo dục 1.000 ngày đầu đời của trẻ em: Sự cần thiết và khuyến nghị chính sách	31

NGÀNH GIÁO DỤC ỨNG PHÓ VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19:

BIẾN THÁCH THỨC THÀNH CƠ HỘI CHUYỂN ĐỔI SỐ



■ Thứ trưởng Bộ TTTT Nguyễn Thành Hưng và Thứ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Văn Phúc ký cam kết đồng hành, hỗ trợ của ngành TTTT với ngành GDĐT trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 với sự có mặt của Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ và Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng

Sáng ngày 26/3, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Phùng Xuân Nhạ, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (TTT) Nguyễn Mạnh Hùng đã chủ trì Lễ công bố cam kết đồng hành, hỗ trợ của ngành TTTT với ngành GDĐT trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Bộ trưởng Bộ GDĐT Phùng Xuân Nhạ cho biết, trong những năm gần đây, ngành Giáo dục rất quan tâm và luôn tiên phong trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào các hoạt động của ngành. Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục đóng một vai trò hết sức quan trọng, không chỉ đối với ngành mà còn tác động rất lớn đối với đất nước, cả trước mắt và lâu dài.

**“CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRONG GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
SẼ TẠO TIỀN ĐỀ
CHO NHIỀU
LĨNH VỰC KHÁC”**

Theo Bộ trưởng, học sinh, sinh viên được đào tạo về kỹ năng chuyển đổi số và thực hành tốt về công nghệ sẽ đóng góp rất lớn vào chất lượng

nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia. Bộ GDĐT rất ý thức về cơ hội này. Để thực hiện được nhiệm vụ chuyển đổi số ngành Giáo dục, Bộ trưởng đề cập đến bốn nhóm việc cần tập trung chỉ đạo:

Thứ nhất là phải thống nhất nhận thức của đội ngũ giáo viên, học sinh và những người có liên quan để cùng quyết tâm thực hiện.

Thứ hai là có được nền tảng CNTT đồng bộ, từ máy chủ, đường truyền, băng thông, cũng như các ứng dụng để vận hành hệ thống, bài giảng, công nghệ quản lý, kế hoạch, chương trình, nội dung...

Thứ ba là cơ chế chính sách. Bên cạnh cơ chế chính sách chung của

“Bốn nhóm giải pháp này được thực hiện tốt thì chủ trương số hóa và ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục sẽ thành hiện thực, từ đó tạo nên thành công cho chuyển đổi số ngành Giáo dục. Đây là tiền đề quan trọng để chuyển đổi số thành công trong nhiều lĩnh vực khác”.

**Bộ trưởng Bộ GDĐT
PHÙNG XUÂN NHẠ**



■ Bộ trưởng Bộ GDĐT Phùng Xuân Nhạ phát biểu tại Lễ công bố cam kết đồng hành, hỗ trợ của ngành TTTT với ngành GDĐT trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19

quốc gia, ngành Giáo dục đã có nhiều văn bản, chính sách liên quan đến nội dung này. Đầu tiên là chính sách đối với giáo viên. Trong chuẩn giáo viên vừa được ban hành, có một tiêu chuẩn về năng lực ứng dụng CNTT. Bên cạnh đó là các quy định, thông tư đã được ban hành với bậc đại học về dạy và học từ xa. Ngoài ra, cũng phải có chính sách để huy động lực lượng xã hội. Đối với dạy học qua Internet, dạy học trên truyền hình, một mặt Nhà nước đầu tư, mặt khác phải huy động từ nguồn lực xã hội. Nếu thiếu chính sách tạo động lực này, chủ trương chuyển đổi số trong ngành Giáo dục không thể thành công.

Thứ tư là những người trong ngành phải am hiểu về kỹ năng sử dụng công nghệ mới trong dạy và học, đặc biệt là các công nghệ liên quan đến việc kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục. Bộ trưởng cho biết, tới đây, Bộ GDĐT sẽ đưa ra những hướng dẫn cho giáo viên một cách bài bản để việc áp dụng công nghệ đạt hiệu quả.

“Bốn nhóm giải pháp này được thực hiện tốt thì chủ trương số hóa

và ứng dụng CNTT trong ngành Giáo dục sẽ thành hiện thực, từ đó tạo nên thành công cho chuyển đổi số ngành Giáo dục. Đây là tiền đề quan trọng để chuyển đổi số thành công trong nhiều lĩnh vực khác” – Bộ trưởng khẳng định.

Để chuẩn bị cho chặng đường dài hơn, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ cho biết, Bộ GDĐT sẽ đưa môn CNTT vào chương trình học bắt buộc từ lớp 3, cùng với môn ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh để từ đó tạo nên một thể hệ “công dân toàn

cầu” có kiến thức kỹ năng về CNTT, chuyển đổi số và trình độ tiếng Anh để hội nhập tốt với thế giới.

Bộ GDĐT cũng sẽ tiếp tục cùng với Bộ TTTT nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, công nghệ số nói chung, đặc biệt liên quan đến ứng dụng công nghệ trong dạy học qua Internet, trên truyền hình để chủ trương và các hoạt động hỗ trợ hợp tác giữa hai Bộ thực sự thiết thực, hiệu quả, tạo đột phá trong chất lượng giáo dục.



BỘ GDĐT BAN HÀNH HƯỚNG DẪN VỀ DẠY HỌC QUA INTERNET, TRÊN TRUYỀN HÌNH

Để đảm bảo chất lượng dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập qua Internet, trên truyền hình trong thời gian học sinh nghỉ học ở trường vì Covid-19, ngày 26/3, Bộ GDĐT đã ban hành Hướng dẫn dạy học qua hai hình thức này đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên năm học 2019 - 2020.

Hướng dẫn của Bộ GDĐT hướng tới bốn mục tiêu là: i) giúp học sinh được học theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) trong thời gian nghỉ học ở trường để phòng, chống Covid-19; ii) phát triển năng lực tự học của học sinh và nâng cao kỹ năng tổ chức dạy học qua Internet, trên truyền hình của giáo viên; iii) tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường và gia đình trong việc tổ chức, hỗ trợ học sinh trong học tập; iv) tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học theo hướng tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là mục tiêu tiếp theo.

Yêu cầu đối với dạy học qua Internet, trên truyền hình

Hướng dẫn của Bộ GDĐT quy định rõ các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, bài học và học liệu, việc tổ chức hoạt động dạy học. Các chủ thể tham gia vào hoạt động này và có liên quan như: cơ sở giáo dục, giáo viên, cán bộ hỗ trợ kỹ thuật, học sinh, phụ huynh, Sở/Phòng GDĐT đều được phân vai, phân nhiệm rõ ràng.



■ Giáo viên thực hiện bài giảng môn Ngữ văn lớp 12 trên truyền hình

Theo đó, để tổ chức dạy học trên Internet, cơ sở giáo dục cần xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến theo Chương trình GDPT và các quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT. Tổ chuyên môn, giáo viên xây dựng các bài học, học liệu để tổ chức dạy học theo kế hoạch của nhà trường; góp ý nội dung bài học và học liệu được tổ chức qua Internet. Ngoài yêu cầu phải đảm bảo hạ tầng kỹ thuật để tổ chức và quản lý hoạt động dạy học theo hình thức này của giáo viên, học sinh, cơ sở giáo dục còn có trách nhiệm phối hợp với gia đình trong việc tổ chức thực hiện.



■ Phụ huynh cho con học trực tuyến tại nhà

Giáo viên khi dạy học trên Internet cho học sinh cần tổ chức các hoạt động như: thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi, thảo luận giữa học sinh với nhau và giữa học sinh với giáo viên.

Đối với dạy học trên truyền hình, ngoài xây dựng kế hoạch dạy học chung cho nhà trường, cơ sở giáo dục cần thông báo thời khóa biểu theo lịch phát sóng các bài học cho giáo viên, học sinh, phụ huynh để phối hợp tổ chức cho các em học tập. Cơ sở có trách nhiệm quản lý, giám sát, đánh giá, công nhận kết quả học tập của học sinh trong việc tổ chức dạy học theo hình thức này.

Các giáo viên, ngoài xây dựng kế hoạch, tổ chức, hướng dẫn học sinh học các bài được phát trên truyền hình, cần gửi tài liệu hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập cho các em theo các bài học trước khi được phát trên truyền hình. Quá trình học sinh học trên truyền hình, giáo viên phối hợp với gia đình để

hướng dẫn, giám sát các em nhằm đảm bảo chất lượng.

Đối với cả hai hình thức dạy học qua Internet và trên truyền hình, khi học sinh đi học trở lại, giáo viên có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá mức độ nắm vững kiến thức học sinh đã học qua các hình thức này. Từ đó, giáo viên tổ chức ôn tập, bổ sung, củng cố kiến thức cho học sinh trước khi dạy các bài học tiếp theo.

Học sinh tham gia học tập qua Internet, trên truyền hình cần thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập mà giáo viên giao, nộp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập để thầy cô nhận xét, đánh giá.

Công nhận kết quả đánh giá thường xuyên

Hướng dẫn của Bộ GDĐT quy định, trong quá trình tổ chức dạy học qua Internet, trên truyền hình, giáo viên phụ trách môn học trực tiếp kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh thông qua các bài kiểm tra trên hệ thống dạy học qua Internet; sử dụng các hình thức phù hợp để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên truyền hình.

Kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên này được sử dụng thay cho các bài kiểm tra thường xuyên theo quy định của Bộ GDĐT về đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Cơ sở giáo dục phổ thông quản lý, theo dõi, giám sát việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên kết quả học tập của học sinh qua Internet, trên truyền hình, bảo đảm công bằng, khách quan, trung thực.

Đánh giá định kỳ chỉ thực hiện khi học sinh quay trở lại trường

Bộ GDĐT yêu cầu khi học sinh đi học trở lại, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức cho học sinh ôn tập, bổ sung, củng cố kiến thức đã học qua Internet, trên truyền hình. Cơ sở thực hiện việc kiểm tra định kỳ và kiểm tra học kỳ theo quy định của Bộ GDĐT về đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông. Giáo viên cần đối sánh kết quả kiểm tra định kỳ, kiểm tra học kỳ và kiểm tra thường xuyên để có giải pháp phù hợp giúp học sinh củng cố, bổ sung kiến thức.



■ Học trực tuyến đang trở thành xu hướng học tập của tương lai

Ngày 23/3, Thủ tướng Bộ GDĐT Nguyễn Văn Phúc đã ký văn bản gửi các đại học, trường đại học, học viện trực thuộc Bộ, các trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm về việc bảo đảm chất lượng đào tạo từ xa trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19.

Công văn nêu rõ, để thống nhất việc triển khai đào tạo từ xa và công nhận kết quả học tập tích lũy tại các cơ sở đào tạo đối với các khóa đào tạo chính quy và vừa làm vừa học trong thời gian dịch Covid-19, trên cơ sở các điều kiện thực tế, Bộ GDĐT hướng dẫn các cơ sở đào tạo triển khai tổ chức thực hiện như sau:

Đối với những học phần được tổ chức trên hệ thống đào tạo trực tuyến bao gồm hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống quản lý nội dung học tập (LCMS), có đầy đủ học liệu và hệ thống mô phỏng thí nghiệm, thực hành... theo yêu cầu của chương trình đào tạo; giám sát được quá trình tổ chức đào tạo, có hệ thống thi và kiểm tra đánh giá trực tuyến đảm bảo trung thực, khách quan theo yêu cầu chuẩn đầu ra của từng học phần; lưu được hồ sơ quản lý học tập của từng sinh viên... thì căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng người học, Thủ tướng cơ sở đào tạo quyết định công nhận kết quả học tập tích lũy đối với chương trình đào tạo chính quy và vừa làm vừa học trong thời gian dịch Covid-19.

Đối với những học phần chỉ tổ chức đào tạo qua các công cụ dạy học trực tuyến như: Microsoft Teams, Zoom, Google meeting... thì việc tổ chức đánh giá kết thúc học phần chỉ được tiến hành khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng học tập của học phần. Nếu chưa thực hiện được đầy đủ khối lượng học

BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TỪ XA

TRONG THỜI GIAN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19



Thủ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Văn Phúc

tập qua công cụ dạy học trực tuyến thì khi quay trở lại học tập trung, cơ sở đào tạo phải tổ chức học bù những nội dung chưa thể triển khai qua các công cụ dạy học trực tuyến (thí nghiệm, thực hành... nếu có) để đánh giá học phần, công nhận kết quả học tập tích lũy theo quy định, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo.

Cơ sở đào tạo chưa cung cấp các giải pháp đào tạo trực tuyến nêu trên cần khẩn trương xây dựng phương án tổ chức đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa, xây dựng kế hoạch học tập phù hợp trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 để sớm ổn định hoạt động của nhà trường và ổn định tâm lý cho người học.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện nội dung Hướng dẫn trên, bảo đảm chương trình, chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm giải trình; quản lý và lưu trữ các thông

tin liên quan đến các học phần tổ chức đào tạo trực tuyến nhằm phục vụ công tác kiểm định chất lượng, thanh tra, kiểm tra.

Trước đó, ngày 13/3/2020, Thủ trưởng Bộ GDĐT đã ký Công văn

số 795/BGDĐT-GDĐH hướng dẫn các cơ sở đào tạo triển khai đào tạo từ xa đối với các khóa đào tạo chính quy, vừa làm vừa học nhằm ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19.



Học tập từ xa nhằm ứng phó với dịch Covid-19

BỘ GD&ĐT HƯỚNG DẪN

ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020 ĐỐI VỚI CẤP TIỂU HỌC



■ Chương trình dạy học học kỳ II năm 2019 - 2020 tinh giản những nội dung nâng cao, yêu cầu vận dụng và vận dụng cao

Ngày 30/3, Bộ GD&ĐT đã ban hành Công văn hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 đối với cấp Tiểu học.

Hướng dẫn điều chỉnh nội dung được xây dựng cụ thể cho từng môn học, theo từng tuần dạy học của chương trình để đảm bảo các nhà trường thuận lợi trong triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước.

Việc điều chỉnh chương trình dạy học được thực hiện theo nguyên tắc, đảm bảo mục tiêu giáo dục của Chương trình GDPT quy định của Luật Giáo dục; đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất giữa các khối lớp trong cùng môn học, các môn học trong cùng khối lớp và cấp học.

Đồng thời, tạo thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện tại các cơ sở giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, phân cấp trong quá trình thực hiện; đảm bảo tinh giản nội dung dạy học phù hợp với việc điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường trong năm học 2019 - 2020 do tác động của dịch bệnh Covid-19.

Theo đó, các nội dung cơ bản được giữ để đảm bảo cung cấp kiến thức, kỹ năng nền tảng, cốt lõi của chương trình cho học sinh, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của Chương trình GDPT; chỉ tinh giản những nội dung nâng cao, yêu cầu vận dụng và vận

dụng cao. Một số nội dung, yêu cầu trong bài học được giảm tải; một số bài học được chuyển thành bài tự chọn, bài tự học ở nhà hoặc không tổ chức dạy học; các nội dung tiết học gần nhau thuộc cùng một chủ đề được ghép thành một bài học theo chủ đề.

Căn cứ Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT điều chỉnh kế hoạch dạy học trong học kỳ II năm học 2019 - 2020, bảo đảm hoàn thành Chương trình GDPT cấp Tiểu học phù hợp với tình hình thực tế tại các cơ sở giáo dục tiểu học.

Các nhà trường ưu tiên thời gian tối đa để tổ chức dạy học các môn học bắt buộc theo chương trình và tổ chức dạy học các môn tự chọn một cách phù hợp; tăng cường các hình thức dạy học từ xa như dạy học qua Internet và trên truyền hình. Thời gian đầu của năm học 2020 - 2021, nhà trường tập trung ôn tập, bổ sung các nội dung kiến thức cần thiết cho học sinh trước khi thực hiện chương trình của năm học mới.

Hướng dẫn của Bộ cũng yêu cầu về việc tổ chức đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của học sinh bằng các phương pháp, kỹ thuật, công cụ khác nhau phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định. Không tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá vào các bài hoặc nội dung, yêu cầu đã được giảm bớt; các bài không dạy hoặc đã chuyển thành đọc thêm, tự chọn, tự học.



■ Nội dung học tập của các em sẽ được điều chỉnh phù hợp với thời gian còn lại của năm học 2019 - 2020

BỘ GD&ĐT HƯỚNG DẪN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG DẠY HỌC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020 ĐỐI VỚI CẤP THCS, THPT

Ngày 30/3, Bộ GD&ĐT ban hành Công văn hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học học kỳ II năm học 2019 - 2020 đối với cấp THCS, THPT.

Tiếp tục thực hiện Công văn số 5842/BGD&ĐT-GDTrH ngày 01/9/2011 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học các môn học kèm theo Công văn này để dạy và học phù hợp với thời gian còn lại của năm học 2019 - 2020.

Đối với các môn thực hiện theo chương trình nâng cao, cơ sở giáo dục trung học căn cứ vào nội dung Công văn này để chủ động điều chỉnh nội dung dạy học tương ứng, phù hợp theo đặc thù môn học.

Đối với các môn học Mỹ thuật, Âm nhạc, Thể dục, cơ sở giáo dục trung học chủ động điều chỉnh nội dung và hình thức tổ chức dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục.

Không kiểm tra, đánh giá đối với những nội dung kiến thức đã tinh giản theo Công văn số 5842/BGD&ĐT-GDTrH và các nội dung

“Không dạy”, “Không làm”, “Không thực hiện”, “Khuyến khích học sinh tự học (tự đọc, tự xem, tự làm, tự thực hiện)” theo hướng dẫn tại Công văn này.

Bộ GD&ĐT yêu cầu Sở GD&ĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học theo hướng dẫn tại Công văn này, đồng thời vẫn tiếp tục thực hiện Công văn số 4612/BGD&ĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

TÌM GIẢI PHÁP THÁO GỠ KHÓ KHĂN, ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC



■ Thư trưởng Bộ GDĐT Phạm Ngọc Thường

Bộ GDĐT sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để các chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 sớm được ban hành, áp dụng, kịp thời tháo gỡ khó khăn.

Theo Thư trưởng Phạm Ngọc Thường, dịch bệnh Covid-19 với những diễn biến phức tạp, khó lường đã tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội, lĩnh vực giáo dục - đào tạo cũng không nằm ngoài tác động đó. Ước tính của ngành Giáo dục, riêng chi phí lương cho 103.863 cán bộ quản lý, giáo viên ngoài công lập theo mức lương bình quân tối thiểu vùng là 400 tỷ/tháng; chi phí thuê mặt bằng của 3.702 cơ sở giáo dục ngoài công lập từ mầm non, tiểu học, THCS, THPT đến cao đẳng sư phạm, đại học cũng từ 450 - 500 tỷ đồng/tháng. Ngoài ra, còn các chi phí cho công tác tiêu độc, khử trùng, phòng, chống dịch bệnh trong nhiều tháng qua và các chi phí khác chưa thể thống kê hết.

Trên cơ sở thống kê, rà soát những khó khăn, thiệt hại và kiến nghị, đề xuất của các cơ sở giáo dục, ngày 18/3/2020, Bộ GDĐT đã có văn bản báo cáo và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ một số giải pháp cấp bách để tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục quốc dân. Cụ thể:

- Đề nghị miễn, giảm, kéo dài thời gian quyết toán, nộp các khoản thuế năm 2019 và miễn các khoản thuế phát sinh trong quý 1 và 2 năm 2020 đối với các cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập.
- Xem xét trợ cấp, miễn bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,

bảo hiểm thất nghiệp đối với toàn bộ giáo viên, giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài công lập đang tham gia đóng trong quý 1 và 2 năm 2020.

- Đề xuất gói tín dụng cho vay ưu đãi lãi suất 0% áp dụng cho đối tượng là các cơ sở giáo dục ngoài công lập vay với mục đích duy trì hoạt động thường xuyên nhằm có nguồn vốn chi trả hoạt động và lương để người lao động yên tâm công tác, tiếp tục có động lực, niềm tin đóng góp vào sự nghiệp phát triển giáo dục của nước nhà.

- Xem xét hỗ trợ chi phí vệ sinh phòng dịch, tiêu độc, khử trùng đối với toàn bộ các cơ sở giáo dục để giảm các chi phí phát sinh trong công tác phòng, chống bệnh Covid-19 và bổ sung nguồn hỗ trợ các Sở GDĐT tổ chức xây dựng bài giảng điện tử, trực tuyến dùng chung.

Trước tình hình khó khăn do dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã có những chỉ đạo về các gói hỗ trợ cho những đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Ngành Giáo dục cũng sẽ được xem xét, tính toán trong các gói hỗ trợ này để khắc phục khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra. Bộ GDĐT sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành có liên quan để các chính sách trên sớm được ban hành, áp dụng được ngay, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở giáo dục.

Ngành Giáo dục cũng nhận được sự đồng hành, hỗ trợ rất quan trọng của ngành TTTT như: hỗ trợ phát sóng miễn phí các bài giảng đã được Bộ GDĐT thẩm định lên truyền hình; miễn phí toàn bộ cước phí truy cập dữ liệu cho học sinh, sinh viên và giáo viên liên quan đến các chương trình học từ xa của ngành Giáo dục; hỗ trợ miễn phí sử dụng giải pháp phục vụ đào tạo và quản lý giáo dục cho tất cả 43.000 trường học, miễn phí dịch vụ thuê máy chủ, băng thông phục vụ đào tạo từ xa cho các trường đại học... Gói hỗ trợ này lên tới hàng nghìn tỷ đồng mỗi tháng và giúp ngành Giáo dục triển khai tốt việc dạy học từ xa, qua Internet, trên truyền hình trong thời gian chống dịch Covid-19, thực hiện phương châm *"Tạm dừng đến trường, không dừng việc học"*.

Bộ GDĐT với trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục tiếp tục phối hợp, đồng hành với các địa phương, cơ sở giáo dục rà soát khó khăn, vướng mắc, thiệt hại trong ngành Giáo dục để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, các Bộ, ngành và đề xuất những giải pháp căn cơ trong phạm vi có thể để khắc phục những tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NGUYỄN XUÂN PHÚC:

CHỦ TỊCH UBND CẤP TỈNH CHỊU TRÁCH NHIỆM TOÀN DIỆN TỔ CHỨC KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020



■ Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc kết luận cuộc họp Thường trực Chính phủ chiều ngày 22/4

Ngày 22/4, tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về phòng, chống Covid-19, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đồng ý với phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (thay vì kỳ thi THPT quốc gia như mọi năm). Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố chịu trách nhiệm toàn diện tổ chức kỳ thi này.

Thủ tướng thống nhất với báo cáo về phương án thi của Bộ GDĐT, cùng ý kiến phát biểu tại cuộc họp của Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam và Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội Phan Thanh Bình về vấn đề này.

Đánh giá cao sự chủ động của Bộ GDĐT trong việc xây dựng phương án thi THPT phù hợp với tình hình dịch bệnh, Thủ tướng đồng thời yêu cầu, Bộ GDĐT sớm ban hành quy chế và hướng dẫn công tác thi tốt nghiệp THPT cũng như xét tuyển đại

học, cao đẳng. Trong đó tập trung vào một số việc như Bộ ra đề thi trên tinh thần không đánh đố, học gì thi nấy, nhưng phải nâng cao chất lượng.

Thủ tướng nhấn mạnh: “Kỳ thi này do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện, đảm bảo trung thực, an toàn, chất lượng trong điều kiện có dịch bệnh; cần tăng cường thanh tra, giám sát của các cấp, các ngành như Bộ GDĐT, Bộ Công an; cần tăng cường sử dụng công nghệ để đảm bảo tính trung thực của kỳ thi. Bộ GDĐT ban hành quy chế cụ thể để áp dụng trên toàn quốc một cách chặt chẽ, nề nếp, an toàn,

trong đó có việc Bộ GDĐT phải tổ chức thanh tra, giám sát kỳ thi tại các địa phương, chứ không thể buông lỏng”. Ngoài ra, Thủ tướng cũng lưu ý việc đảm bảo phòng, chống dịch trong quá trình tổ chức kỳ thi.

Thủ tướng yêu cầu ngành Giáo dục tổ chức cho học sinh đi học trở lại an toàn, chu đáo, trong đó cần phát huy học qua mạng và truyền hình đã rất thành công thời gian qua. “Vì thời gian học còn lại của học kỳ II ít nên nội dung học phải được ngành Giáo dục tính toán có trọng tâm trọng điểm”, Thủ tướng nhấn mạnh.

TUYỂN SINH 2020:

SẼ KHÔNG CÓ TÌNH TRẠNG THÍ SINH ĐỔ DÒN VỀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN

Thông tin về công tác tuyển sinh năm 2020 trong bối cảnh phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT vừa được Thủ tướng Chính phủ thông qua, Thứ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Văn Phúc khẳng định, sẽ không có tình trạng thí sinh đổ dồn về các thành phố lớn dự thi. Bộ GDĐT cũng sẽ tiếp tục hỗ trợ công tác tuyển sinh trong các khâu tổ chức đăng ký xét tuyển và lọc ảo như năm 2019.



■ Thứ trưởng Bộ GDĐT Nguyễn Văn Phúc

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã thông qua phương án tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT 2020 với mục tiêu chính là lấy kết quả để xét, công nhận tốt nghiệp THPT đảm bảo mặt bằng chung của cả nước có tính tới điều kiện ảnh hưởng của dịch bệnh. Kỳ thi được tổ chức theo nguyên tắc đảm bảo an toàn, nghiêm túc, chặt chẽ, đồng thời giảm áp lực, chi phí nói chung đối với học sinh và xã hội.

Kết quả của kỳ thi cũng sẽ được các trường đại học, cao đẳng xem xét sử dụng hợp lý trong tuyển sinh theo tinh thần tự chủ tuyển sinh. Điều này đúng với tinh thần của Luật Giáo dục sửa đổi (2019) và Luật Giáo dục đại học sửa đổi (2018), phù hợp với lộ trình đổi mới giáo dục đại học.

Bộ GDĐT dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học và thí sinh trong công tác tuyển sinh trong khâu tổ chức đăng ký xét tuyển, lọc ảo như năm 2019. Với sự hỗ trợ này, thí sinh không phải tốn thời gian, công sức, kinh phí đi lại, nộp hồ sơ dự tuyển nhiều nơi, rồi lại đi rút hồ sơ nếu không đúng nguyện vọng; thuận lợi cho thí sinh đăng ký những ngành/trường mình mong muốn. Ngoài ra, do có sự thay đổi của kỳ thi THPT năm nay, một số cơ sở giáo dục đại học, nhất là các trường top trên, có thể sẽ tổ chức thi riêng để tuyển sinh cho trường mình hoặc theo nhóm trường. Bộ GDĐT sẽ có giải pháp hỗ trợ việc tổ chức thi, đăng ký tuyển sinh, lọc ảo theo nhóm trường.

Theo tinh thần tự chủ tuyển sinh đã quy định trong Luật Giáo dục Đại học (năm 2012 và sửa đổi, bổ sung năm 2018), các cơ sở giáo dục đại học đã đẩy mạnh tự chủ tuyển sinh bằng nhiều phương thức khác nhau. Theo thống kê của Bộ GDĐT, trong ba năm gần đây, kết quả tuyển sinh của toàn hệ thống có xu hướng giảm dần tỷ trọng trúng tuyển từ sử dụng kết quả kỳ thi THPT, tăng dần tỷ trọng trúng tuyển từ học bạ và các phương thức khác.

Xu hướng thay đổi này cũng thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh riêng của các trường đại học khi ngày càng nhiều cơ sở giáo dục đại học sử dụng kết hợp nhiều phương thức tuyển sinh, trong đó: phương án tự tổ chức thi riêng cũng đã được một số trường top trên xác định và chuẩn bị từ nhiều năm trước. Điều này cũng đúng với tinh thần tự chủ của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với lộ trình đổi mới giáo dục đại học, đẩy mạnh tự chủ đại học trong thời gian qua.

Quá trình này cũng phù hợp với xu thế tuyển sinh đại học trên thế giới, trong đó việc tuyển sinh được tổ chức nhiều kỳ trong năm, sử dụng kết hợp nhiều phương thức xét tuyển, sử dụng cả kết quả học tập THPT (điểm GPA), điểm thi tốt nghiệp THPT, điểm các kỳ thi chuẩn hóa để tuyển sinh đại học (SAT, ACT...). Do đó, sử dụng kết quả thi THPT không phải là phương thức

duy nhất để tuyển sinh đại học. Các trường tự chủ tuyển sinh, lựa chọn các phương thức phù hợp nhất cho mình để chọn được những thí sinh đáp ứng tốt nhất yêu cầu đào tạo của nhà trường.

Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm nay sẽ được tổ chức an toàn, chặt chẽ, minh bạch gồm 05 đầu điểm là các môn Văn, Toán, Ngoại ngữ, 01 môn tự chọn khoa học tự nhiên hoặc khoa học xã hội, do đó, dự đoán là đa phần các cơ sở giáo dục đại học vẫn có thể sử dụng kết quả thi tốt nghiệp để xét tuyển vào đại học, đồng thời kết hợp với các phương thức tuyển sinh đa dạng khác mà các trường sẽ đưa ra trong đề án tuyển sinh của mình.

Đồng thời, do tính đặc thù, các trường có chung lĩnh vực, phân khúc đào tạo, hoặc tương đồng về quy mô, về vị trí địa lý, cũng như các đại học quốc gia, đại học vùng sẽ có xu hướng liên kết lại để tổ chức thi tuyển sinh chung. Trên cơ sở đó, các trường nhỏ hơn có thể sử dụng kết quả thi đó để xét tuyển.



■ Tuyển sinh năm nay sẽ không còn tình trạng thí sinh đổ dồn về các thành phố lớn

Cụ thể, một số trường đại học phía Nam đã thống nhất sẽ sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh để xét tuyển, kết hợp với các phương thức xét tuyển khác. Do vậy năm nay sẽ không có quá nhiều trường tổ chức

thi, không có nhiều cuộc thi diễn ra trong nhiều đợt nên không thể lặp lại tình trạng tập trung quá đông thí sinh về một điểm, trong một thời gian và sẽ không tạo nên áp lực về luyện thi, thi quá nhiều hay đổ dồn về các khu đô thị lớn.



■ Kỳ thi năm nay được tổ chức theo nguyên tắc đảm bảo an toàn, nghiêm túc, chặt chẽ, đồng thời giảm áp lực, chi phí nói chung đối với học sinh và xã hội

THÔNG TƯ SỐ 01/2020/TT-BGDĐT

VỀ HƯỚNG DẪN VIỆC LỰA CHỌN SÁCH GIÁO KHOA TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG



■ 45 cuốn SGK của 9 môn học và hoạt động giáo dục lớp 1 được phê duyệt cho phép sử dụng trong Chương trình GDPT 2018

Ngày 30/01/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn việc lựa chọn sách giáo khoa (SGK) trong cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó quy định:

Việc lựa chọn SGK đảm bảo ba nguyên tắc: (i) lựa chọn SGK thuộc danh mục SGK đã được Bộ trưởng Bộ GDĐT tạo phê duyệt để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; (ii) mỗi môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi khối lớp lựa chọn một đầu SGK; (iii) bảo đảm thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

- Tiêu chí lựa chọn SGK phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương; phù hợp với điều kiện tổ chức dạy và học tại cơ sở giáo dục phổ thông.

- Quy trình lựa chọn SGK:

(i) Tổ chuyên môn tổ chức nghiên cứu, thảo luận và đánh giá SGK của các môn học thuộc chuyên môn phụ trách theo tiêu chí lựa chọn SGK. Giáo viên bỏ phiếu kín lựa chọn một

đầu SGK cho mỗi môn học thuộc phạm vi đánh giá, lựa chọn của Tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn báo cáo Hội đồng danh mục SGK được lựa chọn, sắp xếp theo thứ tự số phiếu đồng ý lựa chọn từ cao xuống thấp. Danh mục SGK được lựa chọn có chữ ký của Tổ trưởng Tổ chuyên môn và các giáo viên trong Tổ chuyên môn.

(ii) Hội đồng họp, thảo luận, đánh giá SGK trên cơ sở danh mục SGK do các Tổ chuyên môn đề xuất lựa chọn theo các nguyên tắc quy định tại Điều 2 Thông tư này và tiêu chí lựa chọn SGK. Hội đồng bỏ phiếu kín lựa chọn SGK. SGK được lựa chọn phải được trên 1/2 số thành viên của Hội đồng bỏ phiếu đồng ý lựa chọn.

Trường hợp SGK không được trên 1/2 số thành viên của Hội đồng bỏ

phiếu đồng ý lựa chọn, Hội đồng thảo luận, phân tích các SGK với các tiêu chí lựa chọn SGK và bỏ phiếu lựa chọn lại. Sau lần bỏ phiếu thứ hai, nếu vẫn không được trên 1/2 số thành viên của Hội đồng bỏ phiếu đồng ý lựa chọn thì Hội đồng quyết định lựa chọn SGK có số phiếu đồng ý cao nhất trong danh mục SGK do Tổ chuyên môn báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này. Hội đồng tổng hợp kết quả lựa chọn SGK thành biên bản, có chữ ký của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký và các Ủy viên tham dự.

(iii) Hội đồng đề xuất với người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông danh mục SGK đã được Hội đồng lựa chọn để sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

(iv) Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng, người đứng đầu cơ sở giáo dục phổ thông quyết định danh mục SGK sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

- Trách nhiệm của Bộ GDĐT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở/Phòng GDĐT, UBND quận, huyện và các cơ sở giáo dục phổ thông.

UBND tỉnh chỉ đạo Sở GDĐT, Sở Giáo dục - Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi chung là Sở GDĐT); UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) tổ chức hướng dẫn, giám sát, kiểm tra các cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn SGK theo quy định tại Thông tư này. Bảo đảm nguồn kinh phí theo phân cấp quản lý để các cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức lựa chọn SGK.

Sở GDĐT chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn

SGK của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý. Báo cáo Bộ GDĐT, UBND cấp tỉnh và cung cấp thông tin cho các nhà xuất bản có SGK được lựa chọn về danh mục, số lượng SGK mỗi nhà xuất bản cần cung ứng, bao gồm số lượng dự phòng, để bảo đảm có đầy đủ SGK trước khi bắt đầu mỗi năm học mới.

UBND cấp huyện chỉ đạo Phòng GDĐT tổ chức hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc lựa chọn SGK của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm

quyền quản lý. Bảo đảm nguồn kinh phí để các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn SGK.

Phòng GDĐT chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc tổ chức lựa chọn SGK của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý. Tổng hợp và báo cáo UBND cấp huyện, Sở GDĐT kết quả lựa chọn SGK của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc thẩm quyền quản lý.

Cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức lựa chọn SGK theo quy định tại

Thông tư này và quy định của UBND cấp tỉnh để thực hiện việc lựa chọn SGK; báo cáo Sở GDĐT (đối với cấp THPT), Phòng GDĐT (đối với cấp Tiểu học và cấp THCS) về kết quả lựa chọn SGK. Sử dụng SGK đã được lựa chọn trong tổ chức dạy và học; hướng dẫn giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh sử dụng SGK theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý giáo dục, học sinh, cha mẹ học sinh về quyết định lựa chọn SGK của cơ sở giáo dục phổ thông.

THÔNG TƯ SỐ 02/2020/TT-BGDĐT VỀ QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG SƯ PHẠM VÀ TRUNG CẤP SƯ PHẠM

Ngày 05/02/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm, với mục đích để các trường sử dụng tiêu chuẩn tự đánh giá toàn bộ hoạt động liên quan đến chương trình đào tạo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên và giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng đào tạo của từng chương trình đào tạo cụ thể; các tổ chức, cá nhân khác có cơ sở để nhận định, đánh giá và tham gia phản biện xã hội đối với chương trình đào tạo giáo viên của trường mà họ quan tâm.

Thông tư quy định về các tiêu chuẩn đầu ra; bản mô tả chương trình đào tạo; cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; phương pháp tiếp cận trong dạy học; tuyển sinh hỗ trợ người học; đánh giá kết quả học tập của người học; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên và nhân viên; cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; bảo đảm và nâng cao chất lượng; kết quả đầu ra về chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm. Quy định trách nhiệm của Bộ GDĐT, các trường có đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm; các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;



■ Sinh viên ngành đào tạo Sư phạm mầm non

- Cục Quản lý chất lượng (Bộ GDĐT) hướng dẫn cụ thể về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá, hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài để các trường, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục thống nhất thực hiện.

- Các trường có đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm căn cứ vào tình hình cụ thể, trường chủ động lập kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cho từng giai đoạn và có các biện pháp thực hiện tốt kế hoạch đề ra. Việc thực hiện tự đánh giá, đăng ký đánh giá ngoài và các nội dung liên quan đến kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, trường thực hiện theo quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Đối với từng chương trình đào tạo cụ thể, trường có thể lựa chọn đánh giá theo tiêu chuẩn ban hành tại Thông tư này hoặc theo tiêu chuẩn của tổ chức đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài có uy tín, được Bộ GDĐT công nhận.

- Trách nhiệm của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục: Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục căn cứ vào Thông tư này để đánh giá và công nhận chương trình đào tạo của trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23/3/2020 và thay thế Quyết định số 72/2007/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng ngành giáo dục tiểu học. Các trường đang thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo Quyết định số 72/2007/QĐ-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học trình độ cao đẳng thì được thực hiện tiếp quy trình kiểm định chất lượng đào tạo theo quy định hiện hành trong giai đoạn chuyển tiếp cho đến hết ngày 01/7/2020. Trong đó, việc tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chỉ thực hiện cho đến thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành.

THÔNG TƯ 03/2020/TT-BGDĐT VỀ QUY ĐỊNH CHI TIẾT HƯỚNG DẪN VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



■ Ảnh minh họa

Ngày 10/02/2020, Bộ GDĐT ban hành Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Theo đó quy định căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức chuyên dùng theo quy mô học sinh, sinh viên, giảng viên quy đổi theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo ổn định theo định hướng phát triển của cơ sở đào tạo.

Thông tư cũng quy định tiêu chuẩn, định mức, phương pháp tính toán xác định diện tích chuyên dùng cho các công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó quy định:

Chi tiết tổng diện tích chuyên dùng của Trạm Y tế trường học tối đa là 300m², bao gồm: phòng trạm trường và y bác sỹ trực; phòng khám; phòng tiêm và thủ thuật; phòng y tá hồ sơ kiêm phát thuốc; kho thuốc và dụng cụ; phòng bệnh nhân; phòng ăn cho bệnh nhân.

Bên cạnh đó, nhà để xe của trường học cũng cần bảo đảm đủ chỗ để xe cho 30 - 60% tổng số học sinh và từ 60 - 90% tổng số giảng viên, cán bộ, nhân viên. Tiêu chuẩn diện tích đối với các xe là 0,9m²/xe đạp, 2,5m²/xe máy, 25m²/ô tô.

Ngoài ra, Thông tư cũng quy định khu vệ sinh phải được bố trí theo các khối phòng chức năng, trường hợp khu riêng biệt thì cần đặt ở vị trí thuận tiện. Đối với khu vệ sinh của cán bộ, giảng viên, nhân viên, phòng vệ sinh nam, nữ phải được bố trí riêng biệt, bảo đảm số lượng thiết bị. Cụ thể, đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí, số chậu rửa tay tối thiểu là 01.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 27/3/2020.

THÔNG TƯ SỐ 02/VBHN-BGDĐT

VỀ QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC, CÁC HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH, LIÊN NGÀNH VÀ HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ CƠ SỞ

Ngày 30/3/2020, Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 02/VBHN-BGDĐT về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước, các Hội đồng chức danh Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng chức danh Giáo sư cơ sở. Thông tư này thay thế Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng chức danh Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng chức danh Giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT.

Theo Quy chế, thành viên các Hội đồng chức danh Giáo sư (HĐCDGS) là giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng ở các cơ sở giáo dục đại học; cơ sở thực hành của cơ sở giáo dục đại học nhóm ngành sức khỏe của Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 17 Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg.

Thành viên HĐCDGS không còn đủ tiêu chuẩn theo quy định, hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì cấp có thẩm quyền thành lập HĐCDGS quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm người thay thế.

Người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư của HĐCDGS cơ sở tại cơ sở giáo dục đại học thành lập Hội đồng.

Thanh tra Bộ GDĐT chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thuộc Bộ GDĐT thanh tra, kiểm tra hoạt động xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư của các HĐCDGS, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Tập thể, cá nhân để xảy ra sai sót, vi phạm trong quá trình xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư, xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Quy chế quy định về tổ chức và hoạt động của HĐCDGS nhà nước với các nội dung: nhiệm vụ, quyền hạn của HĐCDGS nhà nước; cơ cấu tổ chức và trình tự bổ nhiệm ủy viên HĐCDGS nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐCDGS nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐCDGS nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐCDGS nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐCDGS nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên HĐCDGS nhà nước.



■ Ảnh minh họa

Quy định về tổ chức, hoạt động của HĐCDGS ngành với các nội dung: nhiệm vụ, quyền hạn của HĐCDGS ngành; cơ cấu tổ chức và trình tự thành lập, bổ nhiệm thành viên HĐCDGS ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐCDGS ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐCDGS ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký HĐCDGS ngành; nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên HĐCDGS ngành.

Quy định về tổ chức, hoạt động của HĐCDGS cơ sở với các nội dung: nhiệm vụ, quyền hạn của HĐCDGS cơ sở; cơ cấu tổ chức và trình tự thành lập, bổ nhiệm thành viên HĐCDGS cơ sở; điều kiện thành lập HĐCDGS cơ sở; nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐCDGS cơ sở; nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐCDGS cơ sở; nhiệm vụ, quyền hạn của Thư ký HĐCDGS cơ sở; nhiệm vụ, quyền hạn của ủy viên HĐCDGS cơ sở.

Ban hành kèm Thông tư là phụ lục: danh sách ứng viên tham gia HĐCDGS; lý lịch khoa học (dành cho ứng viên/thành viên các HĐCDGS).

Thông tư có hiệu lực từ ngày 15/5/2020.

THÔNG TƯ SỐ 27/2019/TT-BGDĐT

VỀ QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHÍNH GHI TRÊN VĂN BẰNG VÀ PHỤ LỤC VĂN BẰNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Thông tư số 27/2019/TT-BGDĐT có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2020 và thay thế Thông tư 19/2011/TT-BGDĐT ngày 24/5/2011; Thông tư 23/2009/TT-BGDĐT và Thông tư 24/2009/TT-BGDĐT ngày 12/8/2009.

Theo đó, bên cạnh văn bằng giáo dục đại học sẽ cấp kèm theo phụ lục văn bằng, gồm các nội dung chính sau: Thông tin về người được cấp văn bằng: họ, chữ đệm, tên, ngày/tháng/năm sinh; Thông tin về văn bằng: tên cơ sở giáo dục đại học cấp bằng, chuyên ngành đào tạo, ngày nhập học, ngôn ngữ đào tạo, thời gian đào tạo, trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, hình thức đào tạo; Thông tin về nội dung, kết quả học tập (nếu có): tên học phần hoặc môn học, số tín chỉ của từng học phần hoặc môn học, điểm học phần hoặc môn học, tổng số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình, tên và kết quả luận văn, luận án, điểm xếp hạng tốt nghiệp.

Trường hợp văn bằng được cấp khi các tín chỉ tích lũy ở những cơ sở đào tạo khác nhau, cần ghi rõ tên môn học, số tín chỉ của từng môn học được công nhận để xét tốt nghiệp và tên cơ sở đào tạo.



■ Ảnh minh họa

Thông tin kết nối với văn bằng: mã số sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, số hiệu văn bằng.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 436/QĐ-TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

VỀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM ĐỐI VỚI CÁC TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, GIAI ĐOẠN 2020 - 2025



■ Giảng đường Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Ngày 30/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 436/QĐ-TTg về Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học, giai đoạn 2020 - 2025.

Triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học để xây dựng, phê duyệt chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học nhằm đổi mới hoạt động đào tạo gắn với bảo đảm, nâng cao chất lượng của giáo dục đại học Việt Nam; thiết lập mối quan hệ với Khung trình độ quốc gia của các nước trong khu vực và trên thế giới; tạo ra cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo; xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

Bộ GDĐT chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành các văn bản, tài liệu để triển khai thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học.

Các Bộ thành lập Hội đồng tư vấn khối ngành gồm các chuyên gia đầu ngành ở các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, các nhà quản lý giáo dục đại học và đại diện của giới doanh nghiệp, công nghiệp và các cơ quan quản lý nguồn nhân lực, xây dựng chuẩn chương trình đào tạo cho các ngành, khối ngành của từng lĩnh vực trong giáo dục đại học, trình Bộ GDĐT để thẩm định, ban hành, hoàn thành trong quý 4/2022.

Bộ GD&ĐT chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học triển khai tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo quản lý, giảng viên thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, hoàn thành trong quý 4/2021.

Bộ GD&ĐT thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng báo cáo tham chiếu đối với các trình độ của giáo dục đại học của

Khung trình độ quốc gia Việt Nam với Khung tham chiếu trình độ ASEAN, hoàn thành trong quý 3/2020.

Trong quý 4/2020, các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện các nội dung trong kế hoạch nêu trên.

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 49-KL/TW VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC, KHUYẾN TÀI, XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

Ngày 08/4, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW ngày 13/4/2007 của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Kế hoạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tích cực tham gia công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Một trong những nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, công tác quản lý của các cấp chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả và đồng bộ giữa các ngành, các cấp và cả hệ thống chính trị.

Các Bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng và cấp ủy cùng cấp tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nội dung Chỉ thị số 11-CT/TW và Kết luận số 49-KL/TW trong toàn thể đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội, hoàn thành trong quý 2 năm 2020.

Bên cạnh đó, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và tổ chức xã hội. Hội Khuyến học Việt Nam hướng dẫn Hội Khuyến học các cấp phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có kế hoạch xây dựng các tổ chức khuyến học trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, lực lượng vũ trang trên phạm vi cả nước.

Tiếp tục xóa mù chữ cho người lớn, thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Bộ GD&ĐT ban hành và hướng



■ Bác Hồ đến thăm lớp bình dân học vụ phường Lương Yên, Hà Nội ngày 27/5/1956. Ảnh tư liệu



■ Xây dựng xã hội học tập là phương thức chủ động tham gia vào Cách mạng công nghiệp 4.0

đẫn thực hiện chương trình, tài liệu dạy học xóa mù chữ; hoàn thiện, nâng cấp phần mềm Hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Đổi mới cơ chế tài chính, đẩy mạnh xã hội hóa công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng công dân học tập, đơn vị học tập và tỉnh, thành phố học tập. Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, hoàn thiện các chính sách để tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn lực xã hội thúc đẩy công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập; nghiên cứu, đề xuất cơ chế miễn giảm thuế đối với các doanh nghiệp tham gia các hoạt động giáo dục thường xuyên, học tập suốt đời.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN GIAI ĐOẠN MỚI

NGUYỄN CÔNG HÌNH

*Phó trưởng Tiểu ban Giáo dục thường xuyên và Học tập suốt đời,
nguyên Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT*



■ Trong xã hội học tập, mỗi công dân đều phải học tập thường xuyên trong mọi thời kỳ, lứa tuổi

Chức năng, nhiệm vụ của giáo dục thường xuyên (GDTX) đã được quy định trong Luật Giáo dục sửa đổi năm 2019. Để xác định được các giải pháp phát triển GDTX đạt được mục tiêu đặt ra, chúng ta cần cụ thể hóa nội dung quy định tại Luật Giáo dục về chức năng, nhiệm vụ của GDTX.

Thứ nhất, GDTX có nhiệm vụ liên tục cập nhật, bổ sung những nội dung giáo dục còn chưa có trong chương trình giáo dục chính quy. Do vậy, GDTX luôn song hành cùng giáo dục chính quy. Điều này được thể hiện trong khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

Thứ hai, GDTX tạo thêm cơ hội học tập cho những người có hoàn cảnh khó khăn hoặc vì lý do nào đó mà không được tiếp cận với giáo dục chính quy (chương trình giáo dục lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân).

Thứ ba, GDTX có nhiệm vụ giúp cho những người đã hoàn thành một chương trình giáo dục chính quy và

bước vào thị trường lao động được tiếp tục học tập để nâng cao năng lực làm việc, hoàn thiện nhân cách và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Một số giải pháp phát triển giáo dục thường xuyên

a) Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

- Xây dựng Luật Học tập suốt đời.
- Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX).
- Ban hành các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại các trung tâm này.

- Rà soát đánh giá mô hình tổ chức hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ), trên cơ sở đó đề xuất mô hình hoạt động phù hợp với giai đoạn tới (sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của TTHTCĐ).

- Xây dựng cơ chế kiểm tra, công nhận kết quả học tập không chính quy và phi chính quy.

- Chính sách bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, công chức viên chức và người lao động đối với một số ngành nghề cần có quy định về bồi dưỡng bắt buộc; định kỳ kiểm tra năng lực 5 năm một lần.

b) Nhóm giải pháp về khuyến khích, thúc đẩy người dân thường xuyên học tập

- Tuyên truyền về lợi ích của việc thường xuyên học tập đến mọi tầng lớp nhân dân.

- củng cố và phát triển các mô hình học tập: gia đình học tập; dòng họ học tập; cộng đồng học tập; đơn vị học tập, các mô hình này hiện nay Hội Khuyến học Việt Nam đang triển khai.

- Việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phải căn cứ vào năng lực thực và kết quả công việc, không lấy bằng cấp, chứng chỉ làm căn cứ chính (việc này sẽ làm cho mọi người phải học thật để có năng lực thật chứ không dùng văn bằng chứng chỉ giả).

- Các doanh nghiệp dành kinh phí và thời gian cho người lao động học



■ *Dạy học bằng công nghệ thông tin - xu hướng giáo dục trong tương lai*

tập, bồi dưỡng thường xuyên (Quỹ thúc đẩy học tập).

c) Nhóm giải pháp nâng cao năng lực cung ứng giáo dục suốt đời cho mọi người dân

- Cùng cố và phát triển các cơ sở GDTX.

- Giao quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm cho các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX; phát triển các trung tâm này theo hướng đa dạng hóa các chương trình giáo dục và các hình thức giáo dục; tích cực đổi mới phương pháp dạy học, tạo hứng thú cho người học.

- Nâng cao nhận thức của chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư về lợi ích lâu dài của TTHTCĐ, trên cơ sở đó giao cho chính quyền cấp xã chịu trách nhiệm phải nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ. Ngành giáo dục chịu trách nhiệm hướng dẫn nội dung chương trình, hướng dẫn cách tổ chức dạy học, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trung tâm; huy động sự tham gia tích cực của các ngành, đoàn thể, các tổ chức

xã hội, các doanh nghiệp, đội ngũ trí thức và cộng đồng dân cư.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các trung tâm ngoại ngữ tin học, trung tâm giáo dục kỹ năng sống hoạt động đúng pháp luật và đảm bảo chất lượng. Hiện nay, cả nước có hơn 2.000 trung tâm ngoại ngữ tin học, hàng năm có hàng triệu lượt người theo học ngoại ngữ tại các trung tâm này. Đây là một minh chứng cho tính đúng đắn của chủ trương xã hội hóa

giáo dục. Thực chất nguồn lực để nâng cao trình độ ngoại ngữ chủ yếu là do người dân đóng góp.

- Phát triển đào tạo từ xa qua mạng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Xây dựng nguồn tài nguyên giáo dục mở giúp cho mọi người dân đều được tiếp cận một cách dễ dàng.

- Cùng cố, đổi mới hoạt động của các thư viện, phát triển văn hóa đọc.



■ *Chia sẻ tài nguyên nghiên cứu và nguồn tư liệu mở là một trong những yêu cầu để các trường đại học cùng chung tay xây dựng xã hội học tập. Ảnh: INT*

GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN

ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH

GS.TS. ĐINH XUÂN KHOA

Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

Đổi mới mục tiêu đào tạo giáo viên

Đào tạo giáo viên phải theo mục tiêu đáp ứng chuẩn đầu ra, đó là những năng lực và phẩm chất cần thiết để giáo viên không chỉ làm tốt nhiệm vụ giảng dạy mà còn làm tốt vai trò của nhà giáo dục, nhà nghiên cứu độc lập về giáo dục; có khả năng giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn nghề nghiệp. Mục tiêu đào tạo giáo viên còn phải chú trọng đến khả năng thích ứng cao đối với yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục; sự thay đổi vai trò của người đào tạo giáo viên trong xã hội hiện đại. Có thể nói, mục tiêu đào tạo giáo viên vừa phải ổn định ở những giá trị cốt lõi của nghề dạy học, vừa trong trạng thái “động” để phát triển những phẩm chất, năng lực mới mang tính thời đại của người giáo viên.

Khẳng định ưu thế của “mô hình song song” trong đào tạo giáo viên ở trường đại học đa ngành

Mô hình song song trong đào tạo giáo viên, từ lâu đã được áp dụng ở các trường sư phạm nước ta. Đây là mô hình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa khoa học cơ bản và nghiệp vụ sư phạm (khoa học giáo dục). Hiện nay, tuy đã xuất hiện một số mô hình đào tạo giáo viên mới (như mô hình nối tiếp; mô hình hai giai đoạn) nhưng mô hình song song vẫn là mô hình chiếm ưu thế hơn cả.

Trước đây, giáo viên thường được đào tạo trong các trường sư phạm. Tuy nhiên, do xu thế phát triển của giáo dục đại học, phần lớn các trường đại học chuyên ngành đã



■ Khuôn viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

chuyển sang đa ngành, trong đó có các trường sư phạm. Từ đầu những năm 90 của thế kỷ trước, đã có chủ trương: “Trường sư phạm không chỉ đào tạo giáo viên; Giáo viên viên không chỉ đào tạo trong trường sư phạm”. Với chủ trương này, nhiều trường sư phạm đã chuyển sang đào tạo đa ngành; nhiều trường vốn không phải là trường sư phạm bắt đầu tham gia đào tạo giáo viên. Bức tranh đào tạo giáo viên, từ đây, đã có thêm những sắc màu mới. Điểm mạnh của mô hình đào tạo này là các ngành đào tạo sư phạm có thể tận dụng thế mạnh của khoa học cơ bản từ các ngành đào tạo ngoài sư phạm để trang bị cho sinh viên một nền tảng kiến thức khoa học cơ bản vững chắc; “phông” kiến thức chung trên nhiều lĩnh vực của sinh viên sư phạm cũng được mở rộng. Giảng viên các ngành sư phạm cũng có điều kiện

trao đổi, giao lưu với giảng viên các ngành ngoài sư phạm... Bên cạnh đó, đào tạo giáo viên trong trường đại học đa ngành cũng hỗ trợ cho giảng viên các ngành ngoài sư phạm về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ở cả phương diện lý thuyết cũng như kinh nghiệm thực tế.

Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo giáo viên

(i) *Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục*

Trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm, cần tích hợp đào tạo chuyên môn (khoa học cơ bản) và đào tạo nghiệp vụ (khoa học giáo dục), làm cho hai mảng đào tạo này trở thành một thể thống nhất. Đào tạo chuyên môn phải đảm bảo tính nghiệp vụ, còn đào tạo nghiệp vụ phải đồng thời



 Sinh viên Trường đại học Sư phạm Huế

và trên nền của đào tạo chuyên môn. Do đó, cần huy động đội ngũ giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản tham gia tích cực vào việc đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên.

(ii) Gắn liền đào tạo nghiệp vụ sư phạm với thực tế của nhà trường phổ thông

Xuất phát từ thực tế của nhà trường phổ thông (đặc điểm tâm - sinh lý của học sinh, chương trình sách giáo khoa, điều kiện dạy và học...) để xác định nội dung và phương pháp đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Đồng thời dựa trên đặc trưng lao động sư phạm của giáo viên, những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp để hướng chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm vào việc hình thành cho sinh viên những phẩm chất và năng lực đó. Cụ thể là, hình thành cho sinh viên lý tưởng nghề nghiệp, lòng yêu nghề, tâm huyết với nghề; đào tạo một cách cơ bản, hệ thống các năng lực sư phạm; giảng viên các bộ môn nghiệp vụ sư phạm phải thực sự sát với nhà trường phổ thông. Có như vậy, các kiến thức mà họ cung cấp cho sinh viên mới hữu ích. Do đó, các trường sư phạm

cần có quy định cứng về chế độ đi thực tế phổ thông của giảng viên các bộ môn nghiệp vụ sư phạm, khuyến khích họ trực tiếp tham gia giảng dạy một số giờ ở trường phổ thông.

(iii) Xây dựng quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm toàn khóa cho sinh viên

Trong đào tạo nghiệp vụ sư phạm, ngoài việc cung cấp cho sinh viên các tri thức khoa học giáo dục còn hình thành ở họ những kỹ năng sư phạm cần thiết: dạy học; giáo dục học sinh; phối hợp các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; nghiên cứu khoa học giáo dục; tự học nâng cao trình độ... Những kỹ năng này chỉ có thể được hình thành trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của sinh viên thông qua các hoạt động thực hành, kiến tập sư phạm, thực tập sư phạm. Vì thế, cần xây dựng một quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, trong đó xác định rõ những công việc cụ thể mà họ phải làm từ năm thứ nhất cho đến năm thứ tư. Quy trình rèn luyện này tương ứng với nội dung đào tạo của từng năm học và toàn khóa học.

(iv) Tạo môi trường thuận lợi để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên

Hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào môi trường: “môi trường giả định” (ở trường sư phạm) và “môi trường thực” (ở trường phổ thông). Trong môi trường giả định, sinh viên rèn luyện các kỹ năng sư phạm trên những “đối tượng giả định”. Nhưng kết quả rèn luyện ở môi trường này lại có ảnh hưởng lớn đến kết quả rèn luyện trong môi trường thực. Do đó, cần tạo điều kiện cho sinh viên có thể rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm bằng các hoạt động nội khóa, ngoại khóa, các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội... Tuy nhiên, phải thấy rõ ý nghĩa quan trọng của việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm trong “môi trường thực”, không chỉ giới hạn ở các đợt kiến tập, thực tập sư phạm. Sinh viên cần được rèn luyện trong môi trường thực càng sớm càng tốt. Yêu cầu này đòi hỏi phải xây dựng được các trường thực hành (trực thuộc trường sư phạm) và xem đầu tư cho trường thực hành như đầu tư cho các phòng thí nghiệm hiện đại của các khoa/viện thực nghiệm.



■ Đại học Huế

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC HUẾ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

PGS.TS. HUỲNH VĂN CHƯỜNG

Phó Giám đốc Đại học Huế

Sau 62 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, Đại học Huế có 08 trường đại học thành viên là: Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Trường Đại học Y dược, Trường Đại học Nông lâm, Trường Đại học Nghệ thuật, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Ngoại ngữ, Trường Đại học Luật, 03 khoa trực thuộc: Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Du lịch, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ; Phân hiệu Đại học Huế tại tỉnh Quảng Trị; 6 Trung tâm đào tạo và phục vụ đào tạo, 02 Viện nghiên cứu trực thuộc và Nhà xuất bản. Năm 2019, Đại học Huế có 139 ngành

Đại học Huế được thành lập tháng 4/1994 theo Nghị định 30-CP của Chính phủ trên cơ sở tổ chức và sắp xếp lại các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn thành phố Huế. Đại học Huế kế thừa truyền thống của Viện Đại học Huế ra đời từ năm 1957. Đại học Huế có mô hình đại học quản lý 2 cấp trực thuộc Bộ GDĐT.

đào tạo đại học, 92 ngành đào tạo thạc sĩ và 56 ngành đào tạo tiến sĩ; 63 chuyên ngành đào tạo bác sĩ chuyên khoa I và II; 12 ngành đào tạo bác sĩ nội trú. Việc xây dựng chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ của Đại học Huế được thực hiện theo 8 bước và việc cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo được thực

hiện theo 5 bước theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ GDĐT.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng Chuẩn đầu ra cho các chương trình đào tạo của Đại học Huế đáp ứng Khung trình độ quốc gia gặp rất nhiều khó khăn. Việc tuyên truyền, phổ biến và xây dựng các quy định hướng dẫn

thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam (VQF) còn chậm và chưa đủ sức lan tỏa. Quy định Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của các bậc trình độ 6, 7 và 8 còn khá chung, chưa được cụ thể hóa và chưa thể hiện rõ đặc trưng theo các ngành đào tạo khác nhau. Theo đó, phương pháp để lượng hóa Chuẩn đầu ra gặp rất nhiều khó khăn. Trong Chuẩn đầu ra theo khung VQF chưa đề cập đến khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo cũng như các nghiên cứu chuyên giao công nghệ đối với các bậc trình độ cao. Khung chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và đề cương chi tiết chưa được ban hành thống nhất trên toàn quốc. Các cơ sở giáo dục tự ban hành các mẫu đề cương chi tiết học phần, Chuẩn đầu ra học phần và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo dẫn đến không thống nhất, gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

Để xây dựng chương trình đào tạo thống nhất trong toàn Đại học Huế đã đáp ứng khung VQF, Đại học Huế ban hành Quyết định số 1298/QĐ-ĐHH ngày 02/10/2019 của Giám đốc Đại học Huế quy định xây dựng và hoàn thiện chương trình đào tạo theo Chuẩn đầu ra ở Đại học Huế, bao gồm:

Chuẩn về kiến thức:

- Khối kiến thức chung trong toàn Đại học Huế;
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo;
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành;
- Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành và hỗ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp.

Chuẩn về kỹ năng:

- Kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề; khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề; khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức; kỹ năng tư duy một cách hệ thống; khả năng nhận biết và phân tích bối cảnh và ngoại cảnh tác động đến cơ sở làm việc, ngành nghề; kỹ năng nhận biết và phân tích tình hình trong và ngoài đơn vị làm việc; kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp.
- Kỹ năng mềm: kỹ năng tự chủ; kỹ năng làm việc theo nhóm; kỹ năng quản lý và lãnh đạo; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ.
- Các kỹ năng mềm khác.

Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với nghề nghiệp;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với xã hội.

Theo kế hoạch, Đại học Huế sẽ xây

dựng, rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo theo tiếp cận Chuẩn đầu ra đáp ứng Khung năng lực quốc gia trong năm 2020.

Một số khuyến nghị cho Kế hoạch triển khai Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ giáo dục đại học giai đoạn 2020 - 2025

1. Ưu tiên có kế hoạch rà soát, bổ sung lại Khung trình độ quốc gia theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg

Quốc hội ban hành Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019. Ngày 27/09/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 52-NQ/TW (Nghị quyết 52) về một số chủ trương, chính sách, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Các hoạt động xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo quốc gia đang được thúc đẩy và phát triển mạnh mẽ nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại



■ Sinh viên Đại học Huế sẽ được học tập theo chương trình đào tạo Chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam

hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Vì vậy, kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg cần được ưu tiên rà soát và bổ sung để đáp ứng với yêu cầu trên.

(2) Tham chiếu và đối sánh với Khung trình độ của các quốc gia ASEAN và các nước có nền giáo dục đại học tiên tiến

Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF) được thiết kế với 8 bậc trình độ, mỗi bậc quy định 2 nội dung gồm kiến thức, kỹ năng và khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm. Mục đích của AQRF là để hỗ trợ công

nhận bằng cấp; khuyến khích phát triển các Khung trình độ có thể tạo điều kiện học tập suốt đời; khuyến khích phát triển các phương pháp quốc gia để xác nhận việc học tập đạt được ngoài giáo dục chính quy; thúc đẩy và khuyến khích giáo dục và sự trao đổi của người học; thúc đẩy dịch chuyển lao động; dẫn đến sự hiểu biết tốt hơn về hệ thống trình độ và thúc đẩy hệ thống trình độ chất lượng cao hơn. Từ Khung tham chiếu trình độ ASEAN (AQRF), mỗi quốc gia ASEAN lập kế hoạch hoặc thực hiện việc xây dựng Khung trình độ quốc gia khác nhau. Bateman and Cole đã lập bảng so sánh Khung trình độ quốc gia giữa các nước ASEAN

và các khu vực khác nhau. Sự khác nhau của Khung trình độ giữa các khu vực khác nhau thể hiện ở bảng dưới đây.

Khung trình độ quốc gia (NQF) của bất kỳ quốc gia nào sẽ có giá trị và đáng tin cậy nếu đáp ứng hoặc vượt quá mức độ của các Chuẩn đầu ra đã được mô tả. NQF của một quốc gia thành viên Đông Nam Á đáp ứng các cấp độ AQRF sẽ tăng thêm sự tin tưởng và niềm tin vào NQF của quốc gia thành viên đó. Điều này rất quan trọng để cho phép chuyển đổi tín chỉ và sự trao đổi người học nhằm công nhận chất lượng lẫn nhau giữa các cơ sở giáo dục. Đảm

Bảng: Đặc điểm chính của Khung trình độ ở các khu vực

Khung trình độ	Bậc trình độ	Chuẩn đầu ra
Khung tham chiếu trình độ ASEAN (Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao PDR, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand and Vietnam)	8 - 10	- Kiến thức và kỹ năng: loại kiến thức và kỹ năng liên quan - Ứng dụng: bối cảnh áp dụng kiến thức và kỹ năng - Tự chủ và trách nhiệm: mức độ độc lập
Cộng đồng Caribbean (CARICOM: Antigua và Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Dominica, Grenada, Guyana, Jamaica, Montserrat (Br.) St. Kitts và Nevis, St. Lucia, St. Vincent và Grenadines, Suriname, Trinidad và Tobago)	5 (Giáo dục và đào tạo nghề và kỹ thuật)	Báo cáo rộng liên quan đến vai trò công việc: bán thành thạo, công nhân cấp mới (có giám sát); công nhân lành nghề (không giám sát); kỹ thuật viên/giám sát viên, thợ thủ công/kỹ thuật viên; chuyên nghiệp/quản lý cấp cao
Khung trình độ châu Âu (Austria, Belgian FL, Bulgaria, Croatia, Czech Republic, Denmark, Estonia, France, Germany, Iceland, Ireland, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Netherlands, Portugal, England/Northern Ireland, Scotland và xứ Wales)	8	- Kiến thức và kỹ năng: loại kiến thức và kỹ năng liên quan - Ứng dụng: loại vấn đề hoặc vấn đề mà kiến thức và kỹ năng được áp dụng - Mức độ độc lập: yêu cầu số lượng độc lập hoặc tổ chức cần thiết để giải quyết vấn đề hoặc hoàn thành nhiệm vụ
Khung trình độ xuyên quốc gia (Antigua và Barbuda, Barbados, Belize, Botswana, Cyprus, Dominica, Grenada, Guyana, Jamaica, Lesotho, Maldives, Malta, Mauritius, Papua New Guinea, Samoa, Seychelles, Sierra Leone, St. Kitts và Nevis, St. Lucia, St. Vincent và the Grenadines, Swaziland, Bahamas, Comoro, Gambia, Tonga, Trinidad và Tobago, Tuvalu và Vanuatu)	10	Số lượng Chuẩn đầu ra thay đổi theo cấp độ nhưng thường bao gồm: - Kiến thức - Kỹ năng - Mức độ tự chủ



■ Làm việc theo nhóm sẽ là một trong những kỹ năng mềm của chương trình đào tạo theo Chuẩn đầu ra của Đại học Huế

bảo chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung, tập trung vào:

- Phê duyệt và giám sát chương trình giảng dạy hoặc thiết kế chương trình;
- Phê duyệt và giám sát các trường đại học và nhà cung cấp giáo dục đại học khác;
- Giám sát quá trình đánh giá, cấp phát bằng cấp và kết quả tốt nghiệp;
- Đánh giá toàn bộ hệ thống về chất lượng;
- Cung cấp thông tin công khai về quá trình hoạt động của các cơ sở giáo dục.

Khung cơ bản của Khung trình độ khu vực được tham chiếu để xây dựng một không gian tin cậy và đảm bảo giá trị và uy tín của chất lượng giáo dục được kiểm định. Nó cho phép trao đổi chất lượng xuyên biên giới và cho phép liên kết và kết hợp trình độ từ các cơ sở giáo dục và các hệ thống giáo dục khác nhau. Việc chuyển đổi tín chỉ được thực hiện đòi hỏi phải có một Khung tham chiếu chung trong đó các lộ trình và trình độ tương đương cần được xác định, và việc chuyển đổi tín chỉ chỉ có thể

được làm rõ giữa các cơ sở giáo dục quốc gia, khu vực và quốc tế.

(3) Khi rà soát và hoàn thiện lại Khung trình độ quốc gia kèm theo đó là các phụ lục kế hoạch thực hiện

Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện khả thi theo từng giai đoạn kết hợp với giám sát, thanh tra sản phẩm đầu ra của việc thực hiện sẽ mang lại hiệu quả cao ở các cơ sở giáo dục. Công tác tuyên truyền và truyền thông rất quan trọng để phổ biến và lan tỏa các kế hoạch thực hiện VQF.

(4) Lộ trình thực hiện nên làm đồng thời tất cả các nhóm ngành, không nhất thiết phải ưu tiên một số nhóm ngành

(5) Đồng thời với việc xây dựng VQF, cần thống nhất việc xây dựng Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trên cơ sở lấy ý kiến của các bên liên quan

Giảng viên, cựu người học, các nhà tuyển dụng lao động... đồng thời tham chiếu Khung trình độ quốc gia của các nước. Các Chuẩn đầu ra được xây dựng phải tính đến phương pháp định lượng để đo lường mức độ đáp ứng Chuẩn đầu ra của người

học sau khi hoàn thành bậc trình độ tương ứng.

(6) Bộ GDĐT nên cân nhắc kỹ việc có Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo khung để các cơ sở giáo dục dựa vào đó để hoàn thiện Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo

Hiện nay, Khung Chuẩn đầu ra các học phần và chương trình đào tạo chưa có quy định chính thức. Hậu quả là các đơn vị tự ban hành các mẫu Khung Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo khác nhau gây khó khăn trong công tác điều hành cũng như công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế tri thức, đáp ứng ngày càng cao của thị trường lao động trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 và việc công nhận kỹ năng lẫn nhau ở cấp quốc gia và phát triển cơ chế công nhận lẫn nhau ở cấp khu vực, công tác rà soát và hoàn thiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đặt ra hết sức cấp bách và cần có sự thống nhất từ Trung ương đến các cơ sở giáo dục.

GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NÂNG CAO VÀ ĐÀO TẠO LẠI NHÂN LỰC

TS. LÊ ĐỒNG PHƯƠNG

Ủy viên Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực,
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục đại học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Áp lực về đào tạo nhân lực

Năm 2013 khi đánh giá về phát triển kinh tế của Việt Nam và vai trò của nguồn nhân lực, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra nhận xét khái quát: Nhân lực có trình độ sẽ là trung tâm của sự phát triển kinh tế ở Việt Nam. Tuy trình độ học vấn của lao động Việt Nam đã tăng nhưng các doanh nghiệp vẫn thiếu lao động có tay nghề (skills) phù hợp. Thiếu hụt lao động có trình độ tay nghề đang diễn ra mạnh nhất trong các nghề kỹ thuật, chuyên nghiệp và quản lý. Trong thị trường, nhu cầu về kỹ năng kỹ thuật cũng quan trọng như kỹ năng nhận thức và kỹ năng hành vi. Kỹ năng nhận thức và hành vi được hình thành trong quá trình giáo dục nhưng kỹ năng kỹ thuật sẽ được hình thành trong quá trình đào tạo nghề và đại học (World Bank, 2013).

Khi đánh giá về hệ thống nghiên cứu và đổi mới của Việt Nam, cả OECD và Ngân hàng Thế giới đã nhận định rằng, Việt Nam cần đầu tư sớm hơn vào các năng lực công nghệ hiện đại để khẳng định vị thế của mình trong chuỗi giá trị toàn cầu vì năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới của Việt Nam đều được nhìn nhận là rất yếu, phân mảnh (OECD, World Bank, 2014).

Với quy mô dân số đã đạt mức trên 96 triệu người, đứng thứ 15 trên thế giới và thứ 3 ở Đông Nam Á, Việt Nam đang ở trong “cửa sổ hẹp” của thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” khi chỉ số già hóa của 2019 cao gấp đôi 2009 và tiếp tục tăng.

Tổng Điều tra dân số và Nhà ở 2019 cũng cho thấy sau 10 năm, tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên tăng hơn hai lần. Mức sống càng được cải thiện, tỷ lệ dân số có trình độ chuyên môn kỹ thuật càng tăng lên song phân bố không đồng đều, cả theo địa

bàn cũng như theo nhóm thu nhập (Tổng cục Thống kê, 2019). Và để thực hiện mục tiêu về công nghiệp hóa thì việc đào tạo nhân lực có ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt khi chúng ta muốn tạo ra một xã hội bình đẳng và công bằng.

Bảng : Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên theo trình độ chuyên môn kỹ thuật, giới tính, thành thị, nông thôn và vùng kinh tế - xã hội, năm 2019

Đơn vị: %

	Tổng số	Không có trình độ chuyên môn kỹ thuật	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên
TOÀN QUỐC	100,0	80,8	3,1	3,5	3,3	9,3
Nam	100,0	79,7	3,7	3,9	3,0	9,7
Nữ	100,0	81,9	2,5	3,2	3,5	8,9
Thành thị	100,0	68,4	4,7	4,8	4,4	17,7
Nông thôn	100,0	87,6	2,2	2,9	2,6	4,7
Vùng kinh tế - xã hội						
Trung du và miền núi phía Bắc	100,0	81,9	3,4	4,8	3,2	6,7
Đồng bằng sông Hồng	100,0	72,1	5,3	4,7	4,4	13,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	100,0	81,5	2,4	4,1	3,7	8,3
Tây Nguyên	100,0	86,1	1,6	3,1	2,6	6,6
Đông Nam Bộ	100,0	79,2	3,3	2,6	3,3	11,6
Đồng bằng sông Cửu Long	100,0	90,3	1,1	1,8	1,6	5,2
Nhóm mức sống ngũ phân vị						
Nghèo nhất	100,0	94,7	1,7	1,4	0,9	1,3
Nghèo	100,0	89,2	3,7	2,4	2,0	2,7
Trung bình	100,0	84,1	4,6	3,4	3,0	4,9
Giàu	100,0	73,1	6,0	5,3	4,7	10,9
Giàu nhất	100,0	53,0	7,9	6,9	6,0	26,2

Nguồn: Tổng điều tra Dân số và Nhà ở ngày 01/4/2019, Tổng cục Thống kê, 2019



■ Để thực hiện mục tiêu về công nghiệp hóa thì việc đào tạo nhân lực có ý nghĩa rất quan trọng

Sự thiếu hụt lao động có kỹ năng của Việt Nam không dừng lại chỉ ở lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao (mới chỉ có 12,6% hiện nay so với 30 - 50% của các nước thu nhập cao và trung bình cao) mà còn ở lực lượng lao động trình độ thấp (hiện gần 80% lực lượng lao động Việt Nam không trình độ chuyên môn kỹ thuật). Đòi hỏi về nâng cao năng lực kỹ năng (upskilling) sẽ ngày càng tăng khi còn có đến 2/3 dân số sống ở nông thôn và xu hướng di cư của lao động nông thôn ra các vùng thành thị/công nghiệp là xu hướng không thể đảo ngược trong những năm sắp tới.

Trên thế giới, “đào tạo lại” (reskilling) và “đào tạo nâng cao” (upskilling) đã được coi là xu hướng của thời đại. Diễn đàn Kinh tế thế giới ước rằng, đến 2022 có đến trên 1/2 số lao động cần được đào tạo lại vì khi thế giới xuất hiện nhu cầu về các kỹ năng/năng lực mới các tổ

chức cần thực hiện đào tạo lại và đào tạo nâng cao để đáp ứng với yêu cầu tăng cường năng lực cạnh tranh (TalentGuard, 2019).

Áp lực của cách mạng khoa học kỹ thuật, mà gần đây hay nhắc tới là Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong thị trường việc làm thế giới khi mà nhiều công việc cũ sẽ nhanh chóng mất đi và những công việc mới sẽ hình thành, thậm chí sẽ do máy móc đảm nhận, lao động cần được đào tạo nâng cao và đào tạo lại đã trở thành yêu cầu cấp thiết. Thậm chí việc đào tạo lại, đào tạo nâng cao hay thậm chí đào tạo mới sẽ diễn ra ở những nơi không có trong tư duy trước đây của chúng ta. Đào tạo sẽ có những dạng thức phi truyền thống (BasuMallick, 2019; Gratton, 2019).

Một số giải pháp trong điều kiện Việt Nam

Để khắc phục bài toán về cơ cấu lao

động không đồng bộ với sự phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cần:

- Nâng cao trình độ (upskilling) của lực lượng lao động hiện hữu;
- Đào tạo lại (reskilling) cho số lao động có yêu cầu chuyển đổi nghề/công việc trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0.

Việc nâng cao trình độ hiện nay chủ yếu trông cậy vào các chương trình đào tạo không tập trung của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học (đào tạo theo phương thức vừa học, vừa làm và đào tạo tại chỗ). Cách làm này có nhược điểm là phụ thuộc hoàn toàn vào “thực đơn đào tạo” của cơ sở giáo dục, vốn rất chậm thay đổi.

Để đáp ứng được yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0 và giải quyết được nhu cầu về kỹ năng và trình độ của các đơn vị sử dụng lao động, rất cần có sự kết hợp chặt chẽ hơn giữa doanh nghiệp và cơ sở đào tạo, giữa

đào tạo trong nhà trường và đào tạo tại chỗ làm của doanh nghiệp.

Các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học cần có liên kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề để đảm bảo yêu cầu của doanh nghiệp, biết, hiểu kỹ càng và phân định rõ ràng vai trò của các đơn vị tham gia quá trình đào tạo nâng cao và đào tạo lại.

Các cơ sở đào tạo, cả đại học và giáo dục nghề nghiệp, cần được tự chủ nhiều hơn để thiết kế các cấu trúc học tập/đào tạo sao cho đáp ứng tốt nhất yêu cầu của doanh nghiệp, của người sử dụng lao động, tận dụng và phát huy tối đa năng lực hiện có của cả bên đào tạo và sử dụng lao động.

Và khả năng đáp ứng của các cơ sở đào tạo sẽ được mở rộng hơn nếu chúng ta biết ứng dụng các công nghệ mới vào giáo dục và đào tạo. Các hình thức học trực tuyến, học tập từ xa, MOOC sẽ giúp giảm khoảng cách giữa người lao động/người học đến cơ sở đào tạo và tận dụng có hiệu quả tri thức của các cơ sở đào tạo với chi phí đào tạo vừa phải.

Học tập suốt đời sẽ phải trở thành một “văn hóa” của từng người dân, của từng doanh nghiệp, của các cơ sở đào tạo và của cả xã hội. Học tập sẽ được thực hiện ở mọi chỗ, mọi nơi và trong mọi môi trường, không còn ràng buộc vào các thiết chế giáo dục nữa. Điều này đòi hỏi việc đánh giá và công nhận các năng lực (bao gồm cả kiến thức và kỹ năng) thu nhận được trong quá trình tự học hoặc học tập tại nơi làm để có thể tính điểm cho các năng lực nhận được tại nơi làm việc. Trong đó, công nhận văn bằng và tín chỉ đã có sẽ là những cơ chế mới cần được chính thức hóa trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

Học tập suốt đời trong thời đại Cách mạng công nghệ 4.0 sẽ đảm bảo lấp đầy được các thiếu hụt kỹ



■ Lao động cần được đào tạo nâng cao và đào tạo lại đã trở thành yêu cầu cấp thiết trước bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0

năng của lực lượng lao động và các doanh nghiệp sẽ không còn phải tự lo về nhân lực có kỹ năng theo nhu cầu riêng của họ nữa. Trong khi đó, người lao động cũng sẽ có được những lợi ích lớn hơn trong quá trình học tập và bồi dưỡng.

Học tập suốt đời cũng sẽ được phát triển hơn nếu các doanh nghiệp chấp nhận đầu tư cho đào tạo lại và đào tạo nâng cao cho người lao động. Việc này có thể được thực hiện ngay tại các doanh nghiệp lớn nếu có đủ khả năng hay thông qua cơ chế của các Quỹ đào tạo lại cho người lao động đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Với thiết chế bảo đảm cơ hội học tập cho người lao động như vậy

người lao động sẽ có được cơ hội phát triển tốt hơn và bớt phải lo lắng cho một tương lai bất ổn của thời kỳ tự động hóa - số hóa. Học tập suốt đời cần trở thành một hệ sinh thái (Tan, 2019).

Để tránh lãng phí thời gian và công sức của người học/người lao động, rất cần có một hệ thống hướng nghiệp - định hướng nghề - tư vấn nghề trong các cơ sở giáo dục trung học, các cơ sở đào tạo nghề và đại học, các doanh nghiệp để người học, người lao động có thể có được những tư vấn phù hợp về con đường nghề nghiệp (career pathways) của riêng mình, giảm bớt khối lượng đào tạo lại.



■ GS.TSKH. Nguyễn Đình Đức trong một buổi giảng bài cho sinh viên lớp Chất lượng cao, Đại học Quốc gia Hà Nội

GIÁO DỤC 1.000 NGÀY ĐẦU ĐỜI CỦA TRẺ EM:

SỰ CẦN THIẾT VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

GS.TS. NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

Chuyên gia cao cấp, Học viện Quản lý Giáo dục, Bộ GDĐT

Giáo dục sớm (giáo dục đầu đời)

Giáo dục sớm là một bước đột phá của khoa học giáo dục, nó tác động, dẫn dắt, bồi dưỡng, phát triển tiềm năng cho trẻ trong thời kỳ 0 tuổi (thai nhi) đến sáu tuổi. Đây là cơ hội vàng duy nhất để phát triển tiềm năng con người. Quá trình giáo dục được tiến hành sớm trong giai đoạn trí tuệ con người phát triển nhất (Thời kỳ mẫn cảm), nên nó mang lại những ảnh hưởng sâu sắc nhất. Giáo dục sớm chú trọng phát triển sự hiểu biết, năng lực bản thân, có khả năng làm chủ trong mọi tình huống, đáp ứng nhu cầu, sở thích, khả năng riêng của mỗi trẻ, không áp đặt từ người lớn. Việc học của trẻ được tích hợp thông qua các hoạt động đa dạng trong môi trường sống. Các hoạt động được tổ chức lồng ghép, tác động một cách đồng bộ đến sự phát triển của trẻ. Giáo dục sớm còn là quá trình giáo dục nhằm khai thác tiềm năng tối đa của con người. Đặc biệt, trong ba năm đầu đời, nếu được sống trong



môi trường giáo dục sớm đúng đắn, đa dạng, được cung cấp những trải nghiệm phong phú kích hoạt não trẻ sớm ngay từ giai đoạn này sẽ hình thành nên hàng tỷ kết nối và mạng lưới thần kinh dày đặc trên bộ não giúp trẻ đạt được những tiềm năng trí lực tối đa cho cả cuộc đời và hình thành tính cách, phẩm chất, đạo đức của con người. Các kỹ năng ngôn

ngữ, nhận thức và xã hội mà trẻ phát triển thời thơ ấu là trụ cột thực thụ cho việc học tập cả đời. Nếu bỏ qua cơ hội chỉ đến một lần trong đời lúc này thì tiềm năng não bộ của trẻ sẽ giảm dần theo quy luật “sử dụng nó hay đánh mất nó”.

Đầu tư vào các dịch vụ giáo dục sớm những năm đầu đời với chất



Hoạt động tương tác và giáo dục sớm sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện



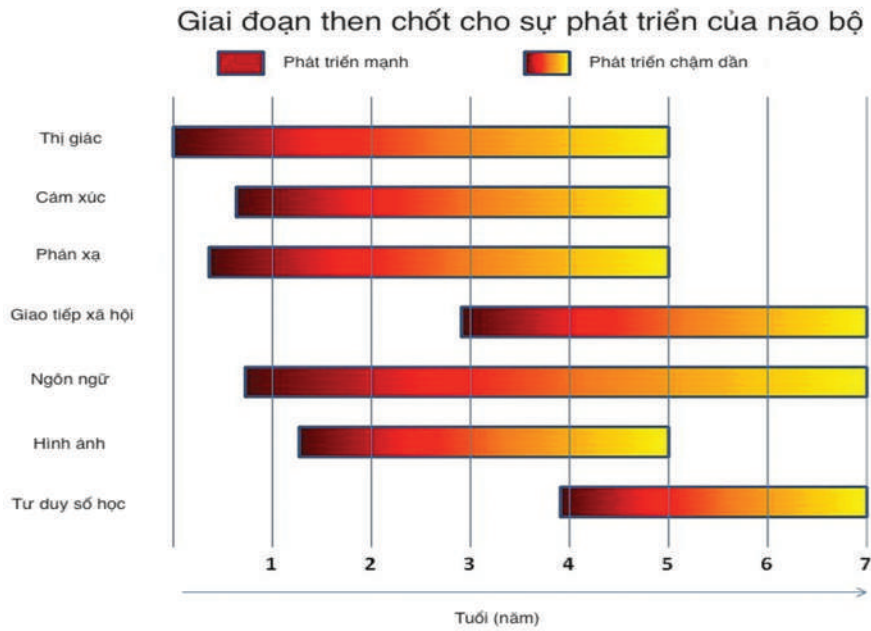
lượng cao trước khi tới trường giúp nâng cao kết quả học tập của trẻ. Đồng thời, giúp tăng cường hiệu quả học tập ở trường nhờ giảm tỷ lệ học lưu ban, bỏ học,... Những năm đầu đời nếu cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên mầm non chỉ chăm lo về sức khỏe và dinh dưỡng mà không quan tâm tới tương tác và giáo dục sớm thì phát triển của trẻ về nhận thức, vận động, và cảm xúc xã hội bị ngưng trệ. Khi kết hợp chăm sóc dinh dưỡng và sức khỏe với hoạt động tương tác và giáo dục sớm, thì những tác động này sẽ phát triển đạt hiệu quả vượt bậc các chăm sóc riêng lẻ, giúp trẻ lớn lên và phát triển toàn diện. Ngược lại, nếu sự tương tác, giáo dục sớm và chăm sóc không được đáp ứng, não bộ sẽ phát triển không đồng bộ và hiệu quả vì các kết nối thần kinh phụ thuộc vào sự chăm sóc, giáo dục từ giai đoạn đầu đời.

Trẻ học từ rất sớm trong những năm đầu đời



■ Phát triển trẻ thơ toàn diện là một sự đầu tư thông minh

Tất cả những gì trẻ có thể học được, ngay giai đoạn rất sớm, những kết nối ban đầu của các tế bào thần kinh hình thành cách suy nghĩ, cảm nhận thế giới xung quanh, ứng xử và học hành ngay từ khi sinh ra, thậm chí từ khi còn trong bụng mẹ. Bé có các trải nghiệm khác nhau và lặp đi lặp



lại nhiều lần, các kết nối trong não sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Chính các kết nối não quyết định mỗi cá nhân sẽ trở thành người thế nào? Nếu những người chăm sóc trẻ biết quan tâm chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cùng tương tác và giáo dục sớm phù hợp và đúng đối với tất cả trẻ nhỏ, đặc biệt là trẻ có hoàn cảnh bất lợi cũng sẽ tạo ra những đứa trẻ tương lai phát triển toàn diện. Khi não của trẻ không nhận được sự chăm sóc cần thiết, đặc biệt là trong các giai đoạn phát triển đầu đời nhạy cảm và nhịp độ nhanh, thì về sau sẽ cần rất nhiều nỗ lực để giúp não của trẻ có thể phát triển đúng tốc độ và nhiều khả năng sẽ không đạt được kết quả tối ưu. Phạm vi và mức độ nghiêm trọng của các vấn đề trong tương lai của trẻ liên quan tới những thiếu hụt trong nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục sớm ở những năm đầu đời.

Đầu tư chăm sóc và giáo dục sớm cho trẻ sẽ có hiệu quả cao

Đầu tư chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, tương tác và giáo dục sớm cho trẻ trong những năm đầu có hiệu quả to lớn với sức khỏe, tâm vóc, khả năng học tập, lao động trí tuệ, tâm hồn và tình cảm của trẻ không những trong ngắn hạn mà

còn là các kết quả dài hạn trong phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia cũng như của một gia đình. Nghiên cứu mới nhất của Giáo sư J. Heckman, một chuyên gia kinh tế và phát triển từng đoạt giải Nobel về “Lợi ích trọn đời của chương trình trẻ thơ” cho thấy, các chương trình có chất lượng cao dành cho trẻ em bị thiệt thòi từ lúc sơ sinh đến 5 tuổi có lợi tức đầu tư kinh phí là 13%/năm, cao hơn so với tỷ suất lợi tức 7 - 10% của các Chương trình Mẫu giáo dành cho trẻ 3 - 4 tuổi. Heckman, cùng với đồng nghiệp của ông đã nghiên cứu thấy những lợi ích vượt trội Chương trình phát triển trẻ thơ toàn diện đem lại trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, hành vi xã hội và việc làm.

Như vậy, đầu tư vào phát triển trẻ thơ toàn diện những năm đầu đời còn có thể giúp giảm thiểu nhu cầu chi tiêu khác của Chính phủ, cộng đồng và các hộ gia đình trong các chương trình khắc phục hậu quả và dịch vụ khác trong tương lai thúc đẩy cải thiện nguồn nhân lực và ổn định xã hội.

Sự phát triển của tuổi thơ là một quá trình trưởng thành và phát triển một cách có trật tự các kỹ năng nhận thức, vận động, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và kỷ luật. Do đó,

Phát triển trẻ thơ toàn diện là một sự đầu tư thông minh

Đầu tư càng sớm, tỷ suất lợi tức càng cao



việc thụ đắc các kỹ năng này trong suốt cuộc đời được xây dựng trên nền tảng năng lực cơ bản với nền móng từ thời thơ ấu.

Những yếu tố ảnh hưởng đến việc nâng cao năng lực và phát triển kỹ năng bao gồm sức khỏe, dinh dưỡng, an toàn, chăm sóc đáp ứng và giáo dục sớm. Mỗi yếu tố này đều cần thiết trong quá trình chăm sóc nuôi dưỡng. Quá trình này giúp giảm các ảnh hưởng bất lợi đối với cấu trúc và chức năng não bộ, nhờ đó cải thiện sức khỏe, sự tăng trưởng và phát triển của trẻ.

Khuyến nghị chính sách

Các nhóm đối tượng chính sách cần hướng đến ưu tiên: trẻ em, đặc biệt quan tâm đến nhóm dưới 3 tuổi; cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên mầm non (bao gồm cả nhà trẻ và mẫu giáo).

1. Truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong chăm sóc phát triển toàn diện trẻ em những năm đầu đời cho các nhà hoạch định chính sách, các cấp chính quyền đặc biệt là cha mẹ, người chăm sóc trẻ, trẻ em và cộng đồng.

2. Đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ ngành y tế, ngành giáo dục, ngành lao động - thương binh - xã hội các cấp; người chăm sóc trẻ tại các cơ sở dịch vụ bảo vệ trẻ em, cộng tác viên, nhân viên công tác xã hội, giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhân viên y tế về chăm sóc và phát triển trẻ thơ toàn diện.

3. Đảm bảo cung cấp các dịch vụ có chất lượng về chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng cho trẻ em từ 0 - 3 tuổi và phụ nữ mang thai: (i) tư vấn về chế độ dinh dưỡng đầy đủ trong thai kỳ; (ii) bổ sung axit folic và sắt cho bà mẹ mang thai; (iii) bổ sung và tăng cường vi chất; (iv) nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ; (v) ăn dặm; (vi) chế độ ăn an toàn và dinh dưỡng đầy đủ; (vii) phòng ngừa và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính - mức trung bình và nghiêm trọng; (viii) bổ sung kẽm điều trị tiêu chảy.

4. Các cặp vợ chồng chuẩn bị sinh con và có con nhỏ dưới 6 tuổi, người chăm sóc trẻ, giáo viên mầm non cần được phổ cập kiến thức và nắm được các kỹ năng chăm sóc, giáo dục phát triển toàn diện trẻ thơ trong từng độ tuổi, nhất là giai đoạn 1.000 ngày đầu đời để nuôi dạy con khi ở nhà và phối kết hợp với nhà trường khi con được theo học ở trường, ở lớp.

5. Hỗ trợ giáo dục cho trẻ em: (i) giáo dục cách nuôi dạy trẻ em, ưu tiên giáo dục về chăm sóc và kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ trong 1.000 ngày đầu đời; (ii) can thiệp sớm giúp trẻ tăng trưởng và phát triển; (iii) các chương trình giáo dục trẻ thơ và trước khi bước vào lớp 1; (iv) tiếp tục giáo dục tiểu học có chất lượng và các chương trình học tập phi chính thức; (v) giáo dục giới tính và bình đẳng giới; (vi) giáo dục kỹ năng tư vấn tâm lý học đường.

6. Hỗ trợ bảo vệ trẻ em: (i) đăng ký



■ Mô hình Montessori trong giáo dục mầm non đang được nhân rộng trên thế giới

Nguồn: <https://hab.vn>

khai sinh; (ii) các kỹ năng nuôi dạy trẻ tích cực bao gồm kỷ luật không bạo lực; (iii) chăm sóc thay thế dành cho trẻ em không được cha mẹ chăm sóc; (iv) chính sách bảo vệ trẻ em, quy tắc ứng xử đối với các nhân viên làm việc trực tiếp với trẻ em; (v) kỹ năng tự bảo vệ dành cho trẻ; (6) các dịch vụ bảo trợ, phòng ngừa, hỗ trợ và can thiệp dành cho trẻ.

7. Hoàn thiện các chính sách bảo trợ xã hội cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt: (i) kết nối các dịch vụ chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; (ii) tiếp cận chính sách bảo trợ xã hội và các chương trình trợ cấp xã hội (giảm nghèo, ứng phó thiên tai thảm họa, trợ cấp tiền mặt); (iii) dịch vụ chăm sóc thay thế tại gia đình và cộng đồng cho trẻ mồ côi, bỏ rơi, khuyết tật; (iv) vui chơi giải trí phát triển văn hóa tinh thần cho trẻ em.

8. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và mạng lưới kết nối dịch vụ hỗ trợ chăm sóc và phát triển trẻ thơ toàn diện tại cộng đồng.

9. Triển khai thí điểm và nhân rộng một số mô hình phát triển trẻ thơ toàn diện.

10. Hoàn thiện khung pháp lý, các chính sách về chăm sóc và phát triển trẻ thơ toàn diện những năm đầu đời.

11. Bộ GDĐT là cơ quan quản lý bậc học Giáo dục mầm non cần phối hợp với các Bộ, ngành liên quan (Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để chỉ đạo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận Phát triển toàn diện trẻ thơ. Chương trình Giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận Phát triển trẻ thơ toàn diện phải là một chương trình mở, linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với nhu cầu, năng lực của trẻ nhằm khai mở tiềm năng, tố chất ở trẻ trong giai đoạn này.

Đối với trẻ tuổi nhà trẻ, chương trình giáo dục không chỉ quan tâm đến chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng mà còn phải chú trọng áp dụng các phương pháp giáo dục sớm tiên tiến đối với trẻ thông qua các hoạt động giáo dục phát triển thể chất, tương tác, kích thích, trải nghiệm và giao

tiếp giữa người lớn với trẻ, giữa trẻ với trẻ, trẻ với môi trường tự nhiên, trẻ với đồ chơi, trò chơi v.v..

Đối với trẻ tuổi mẫu giáo, chương trình giáo dục mầm non cũng không chỉ chú trọng giáo dục nhận thức, tình cảm, ngôn ngữ, quan hệ xã hội, môi trường mà phải chú trọng giáo dục các kỹ năng bảo vệ sức khỏe, ăn uống hợp khoa học, biết tự chăm tự chăm sóc vệ sinh bản thân, vệ sinh môi trường, phát huy năng khiếu, thẩm mỹ v.v..

Thông qua các hoạt động giáo dục hàng ngày mà phát hiện năng lực, phẩm chất, đạo đức của trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và quan hệ xã hội.

12. Khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, tư nhân được mở các loại hình dịch vụ giáo dục mầm non phù hợp với từng vùng miền ở địa bàn dân cư, khu công nghiệp,... đảm bảo cho nhiều trẻ em được chăm sóc giáo dục ở bậc học mầm non và chuẩn bị cho trẻ vào lớp một ở tiểu học.



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUỐC GIA
GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC**

Mọi thông tin liên quan, xin vui lòng liên hệ:

Địa chỉ: Tầng 7, Nhà A, Bộ Giáo dục và Đào tạo
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Email: vanphonghoidong@moet.gov.vn

Điện thoại: 024 32 18 17 70

Website: hoidongquocgiagiaoduc.moet.gov.vn